TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 164/2018/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 20 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 11 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh: ***Nguyễn Văn M*** – Sinh ngày: 24/10/1983

Nơi ĐKHKTT: Xóm 6, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị: ***Bùi Thị N*** - Sinh ngày: 18/11/1985

Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã N, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn M và chị Bùi Thị N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn M và chị Bùi Thị N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cả 2 con chung là: Nguyễn Thị Ánh T – Sinh ngày: 05/6/2005; Nguyễn M Trường – Sinh ngày: 26/8/2009, cho anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh M mỗi con mỗi tháng 750.000 đồng (hai con là 1.500.000 đồng/ 1 tháng) tính từ tháng 12/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Bùi Thị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn M tự nguyện nạp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn anh M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0000954 ngày 06 tháng 11 năm 2018, trả cho anh M 150.000 còn lại còn lại. Chị Bùi Thị N phải nộp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND huyện H.
- UBND xã Nghĩa Dũng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).